

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 8,000 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 15.9% | 27.0% | 11.1% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | UPCOM |
| Khoảng giá 52 tuần | 6,100 - 8,400 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 344 |
| Số lượng CPLH (CP) | 43,006,366 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 3,340 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | (0.29) |
| EPS | -265 |
| P/E | -30.2 |

DT thuần

Q1/24

683

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 163| 31.4%

YoY: ▼86.0| -11.1%

LN trước thuế

Q1/24

1.18

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.1| -92.8%

YoY: ▼13.3| -91.9%

LN sau thuế

Q1/24

0.96

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.9| -94.0%

YoY: ▼12.7| -93.0%

ROA

2023

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

2,616

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 485| 22.8%

LN trước thuế

2023

1.79

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.30| -70.6%

LN sau thuế

2023

1.39

tỷ VNĐ

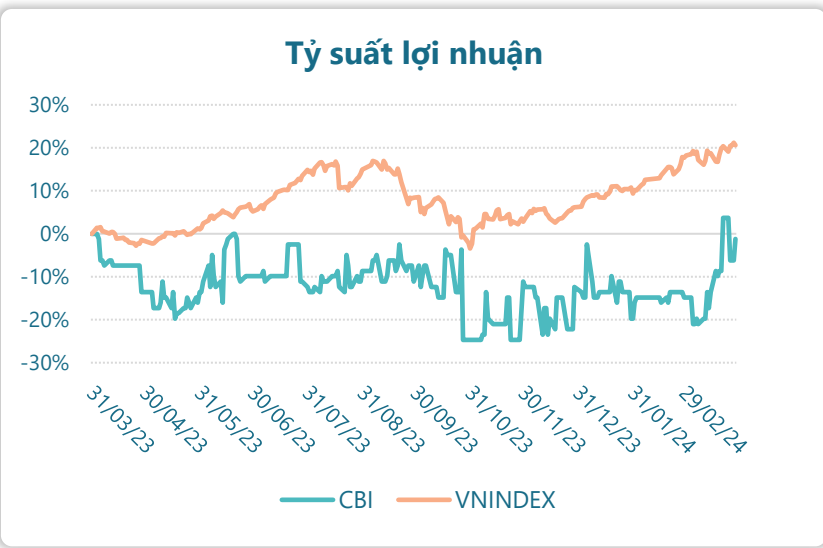
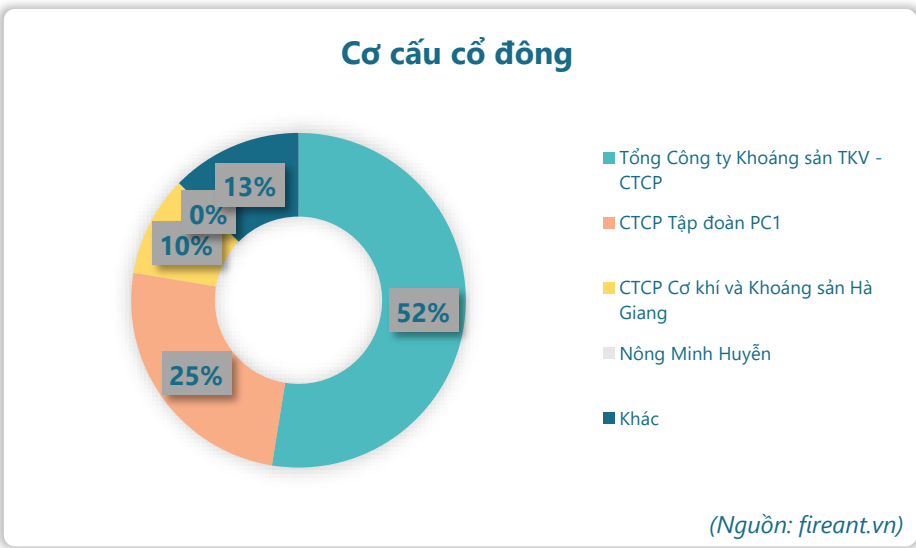
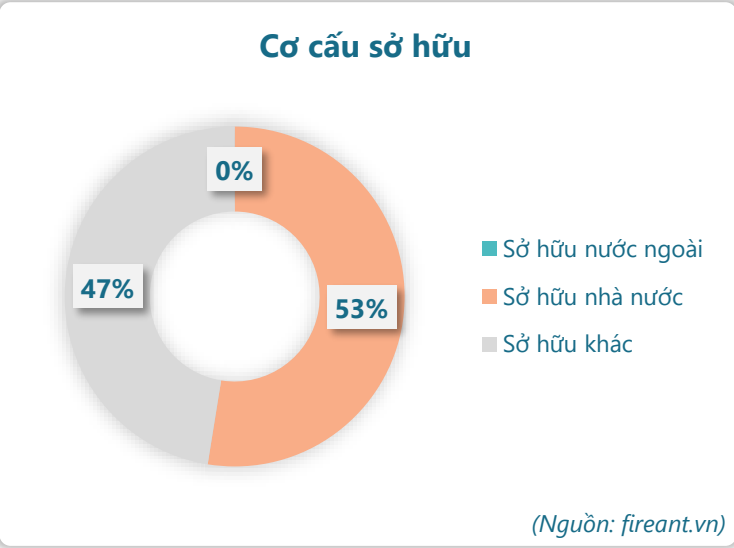
YoY: ▼6.36| -82.1%

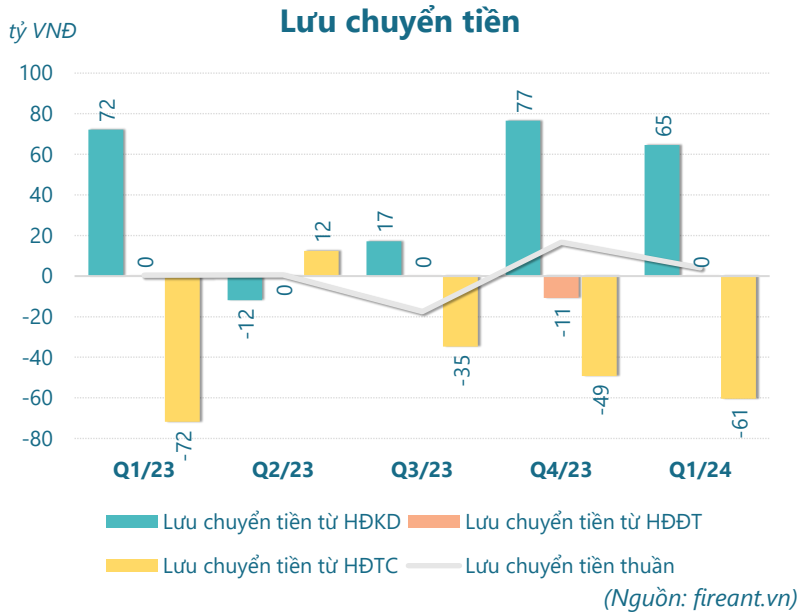
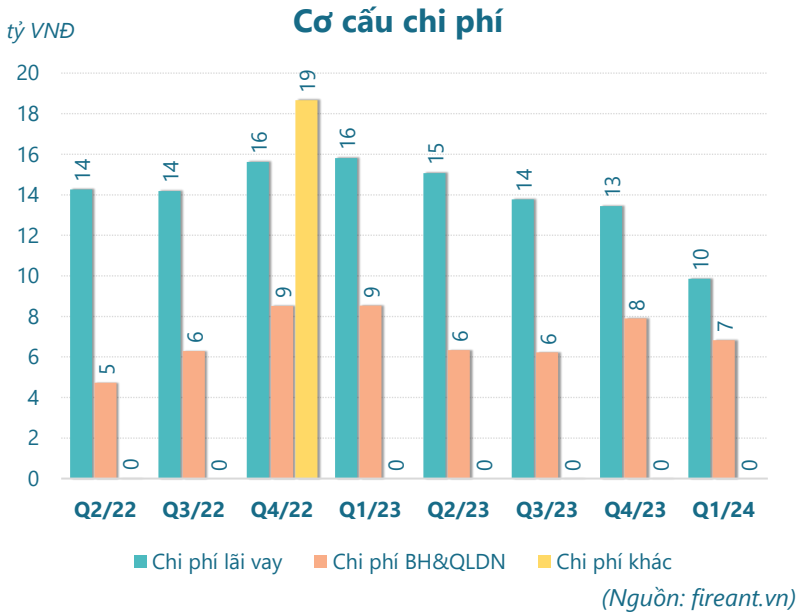
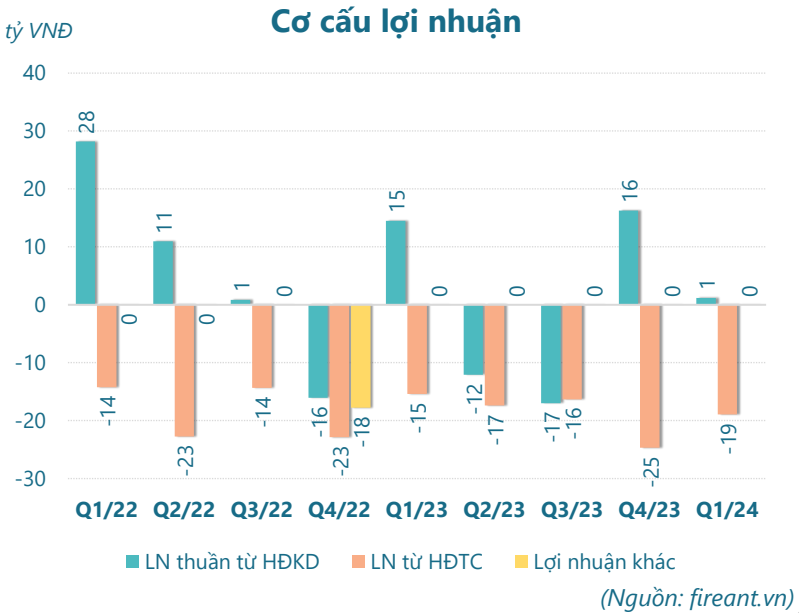
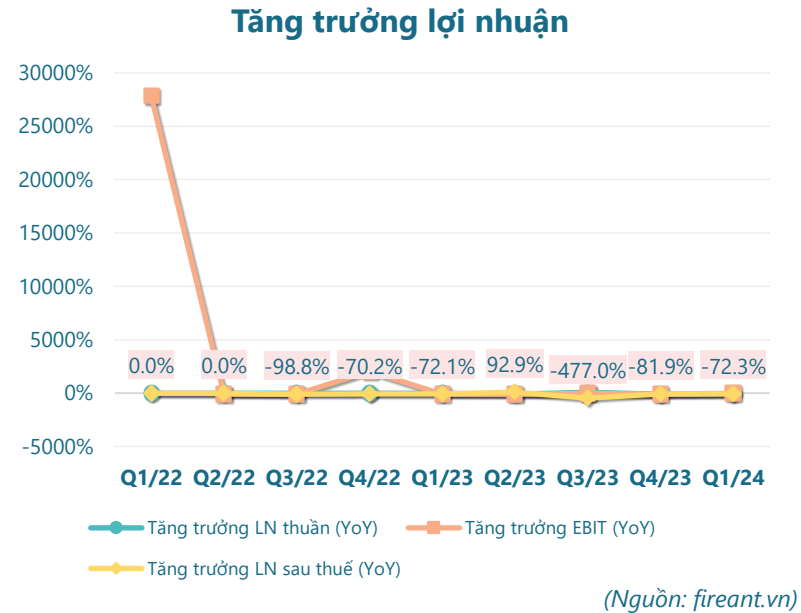
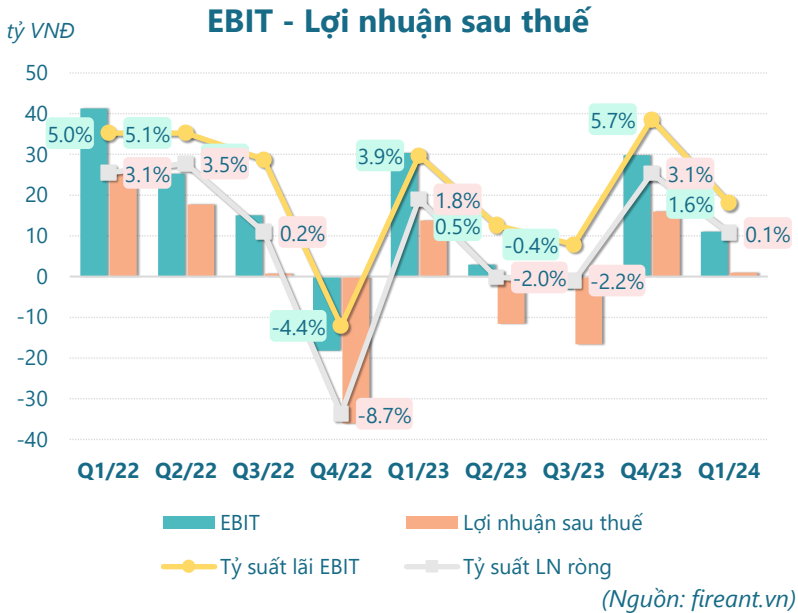
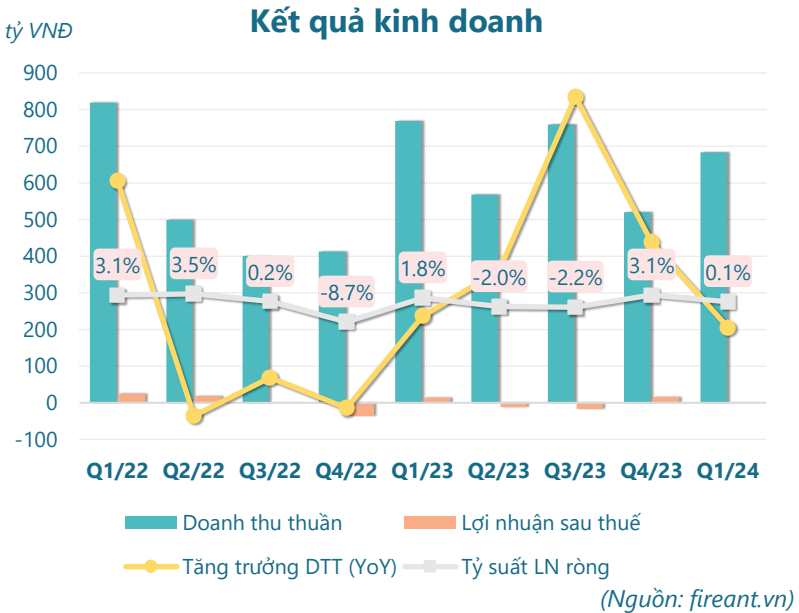
ROE

2023

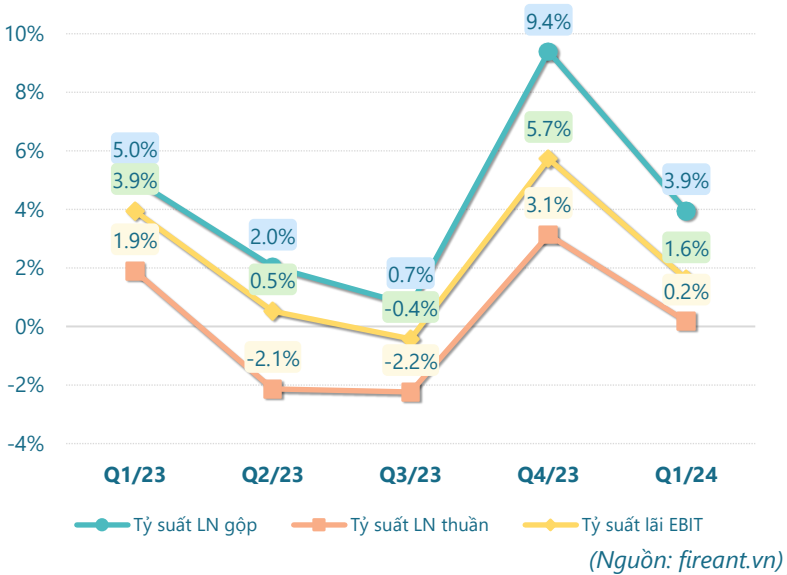
0.3%

+/- YoY: ▼ 1.4%

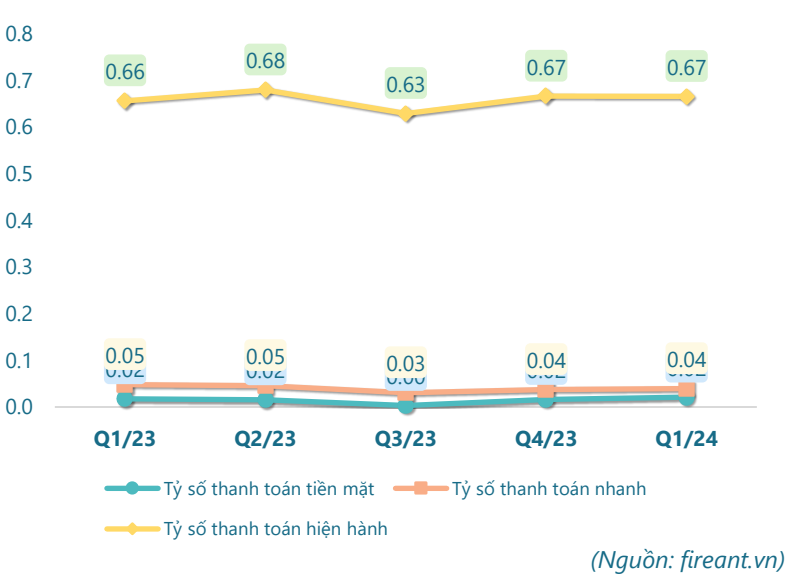




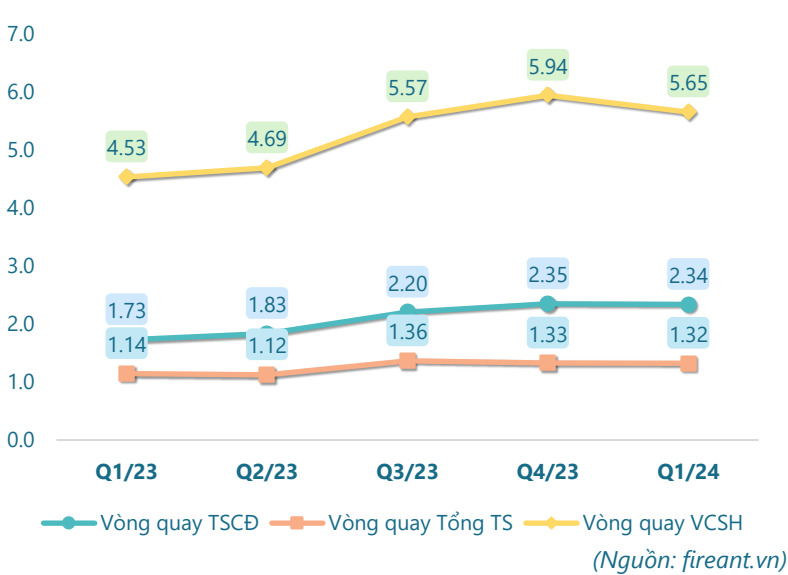
Tỷ suất lợi nhuận



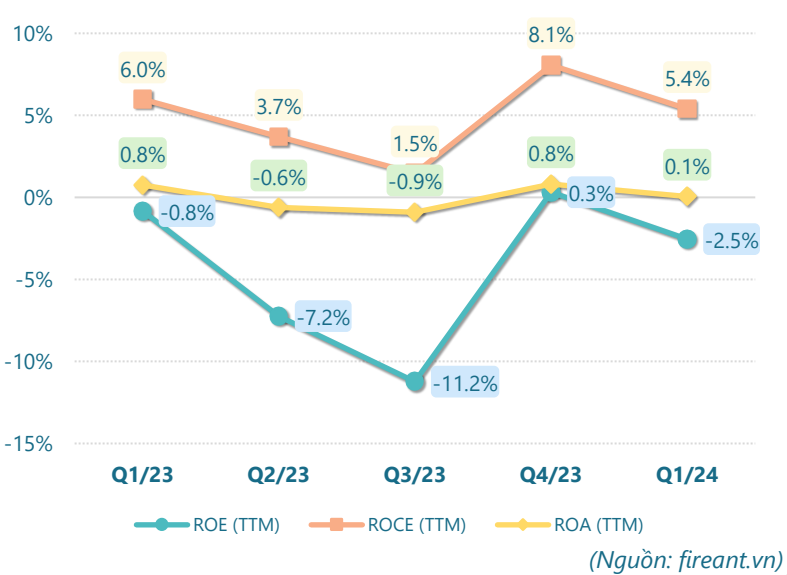
Chỉ số thanh khoản



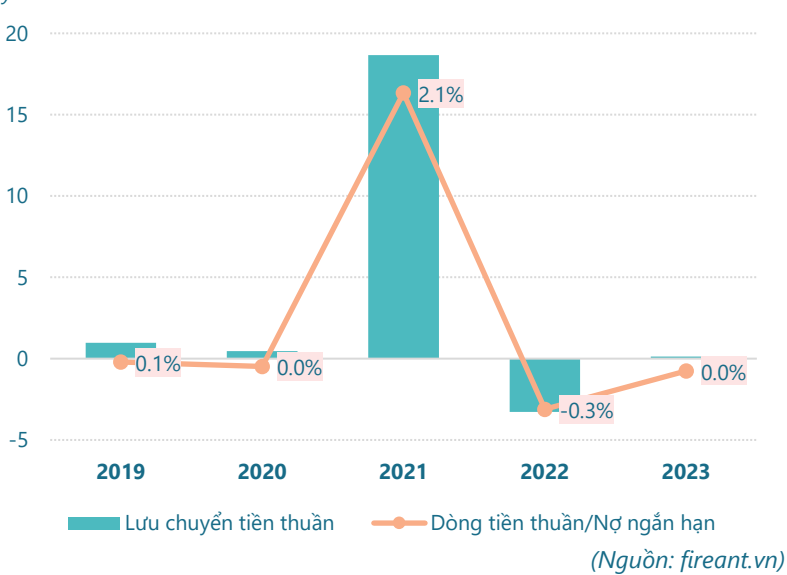
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

